

Bản án số: 89/2019/HSST
Ngày: 17/6/2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Bé
2. Bà Nguyễn Phước Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Anh Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 72/2019/HSST, ngày 22 tháng 4 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2019/QĐST-HS ngày 03/6/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Thị Kim T; Sinh năm 1993; Giới tính: Nữ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 3, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Ấp S, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh; Trình độ văn hóa: 07/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Con ông Trần Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; Hoàn cảnh gia đình: Có chồng tên Nguyễn Văn H; Có 01 con sinh năm 2015; Anh chị em có 04 người kể cả bị cáo;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 08/12/2018 đến nay. Bị cáo hiện có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Bà Thân Thị N, sinh năm: 1961; Địa chỉ: Số A, quốc lộ B, ấp M, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người làm chứng:

1/ Bà Thân Thị P, sinh năm: 1976; Địa chỉ: Tổ 01, ấp M, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2/ Ông Lê Minh T, sinh năm: 1970; Địa chỉ: Tổ 01, ấp M, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3/ Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm: 1996; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có ý định chiếm đoạt tài sản của người khác từ trước, lúc 19 giờ 00 phút ngày 08/12/2018, bị cáo Trần Thị Kim T điều khiển xe mô tô biển số 71C2-044.46 lưu thông trên tuyến đường Quốc lộ 22 từ xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đến xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi để tìm người đi đường, xem ai có sơ hở trong việc quản lý tài sản, T sẽ thực hiện hành vi cướp giật tài sản của họ. Khi T điều khiển xe đến trước tiệm tạp hóa của bà Thân Thị N (sinh năm: 1961; Địa chỉ: Số A, Quốc lộ B, ấp M, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh), T thấy bà N đang khom người bày bánh cúng trên bàn, trên cổ bà N có đeo sợi dây chuyền thòng xuống, nên T đã quay đầu xe lại, lưu thông ngược chiều trên quốc lộ 22 (Phước Thạnh về An Tịnh, Tây Ninh), đến trước tiệm tạp hóa của bà N thì dừng xe lại. T ngồi trên xe nhưng không tắt máy (xe ở số 4, đầu xe hướng về Tân Ninh), T nói bà N bán cho T 01 chai Sting. Bà N đem chai nước ngọt Sting bỏ vào giỏ trước xe của T, T trả bà N tờ tiền 20.000đ. Trong lúc bà N cầm xấp tiền để thối lại cho T, tay trái của T đã nhanh chóng đưa lên phía trước cổ bà N giật sợi dây chuyền bà N đang mang, nhưng T không giật được, cùng lúc tay trái bà N đã chộp được tay của T kéo lại; tay phải của T vặn ga xe tẩu thoát, bị đảo tay lái làm xe bị ngã, T bỏ chạy bộ trên Quốc lộ 22 thì bị anh Lê Minh T và anh Nguyễn Quốc H bắt giữ. Sau đó, bà N cùng mọi người trình báo công an xã P đến tiếp nhận và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Công an thu giữ vật chứng gồm: 01 xe máy hiệu Wave RXS biển số 71C2-044.46; 01 tờ tiền Việt Nam đồng mệnh giá 20.000đ, có số seri 16825332.

Tại bản kết luận định giá số 69/KL-HĐĐGTS ngày 24/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã kết luận: 01 thân dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, khối lượng 1,2022 chỉ, hàm lượng vàng 62,90%, thành tiền là 2.659.266đ và 01 mặt dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, khối lượng 0,465 chỉ, hàm lượng vàng 58,55%, thành tiền là 975.570đ; tổng cộng giá trị tài sản là 3.635.000đ.

Tại bản cáo trạng số 64/CTr-VKS-HS ngày 16/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Củ Chi để xét xử Trần Thị Kim T về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các chứng cứ có tại hồ sơ. Bị cáo vì mong muốn có tiền tiêu xài, đã có hành vi đang nổ máy xe mô tô, lợi dụng sơ hở của bị hại dùng tay trái giật 01 sợi dây chuyền bằng vàng, có mặt bằng vàng, có trọng lượng tổng cộng là 1,6672 chỉ của bà Thân Thị N đang đeo trên cổ thì bị bắt quả tang. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Thị Kim T đã phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của

Bộ luật Hình sự. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị Kim T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng:

+ Đối với 01 xe máy hiệu Wave RXS biển số 71C2-044.46, số máy: 150FMG-1020646, số khung: KCG1VHA-102646; là công cụ phương tiện bị cáo T dùng để thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước;

+ Đối 01 tờ tiền Việt Nam đồng mệnh giá 20.000đ; là tiền bà N bán chai nước ngọt cho bị cáo có được; cần trả lại bà N theo quy định.

Bị cáo Trần Thị Kim T không tranh luận, không tự bào chữa. Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất ăn năn, hối cải, xin Hội đồng xét xử khoan hồng xử mức án nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Củ Chi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo T đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và các chứng cứ có tại hồ sơ. Bị cáo vì mong muốn có tiền tiêu xài cho bản thân, đã có hành vi điều khiển cho xe mô tô dừng nhưng cho nổ máy, dùng tay trái giựt 01 sợi dây chuyền bằng vàng, có mặt bằng vàng, có trọng lượng tổng cộng là 1,6672 chỉ của bà Thân Thị N đang đeo trên cổ thì bị bắt quả tang. Kết luận giám định tài sản trong tố tụng hình sự đã kết luận: 01 thân dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, khối lượng 1,2022 chỉ, hàm lượng vàng 62,90%, thành tiền là 2.659.266đ và 01 mặt dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, khối lượng 0,465 chỉ, hàm lượng vàng 58,55%, thành tiền là 975.570đ; tổng cộng giá trị tài sản là 3.635.000đ.

Bằng hành vi trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Thị Kim T đã phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

[3] Bị cáo nhận thức được việc xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân sẽ bị pháp luật trừng trị nhưng vì mục đích để có tiền tiêu xài mà bị cáo bất chấp. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm

trực tiếp đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an ninh xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ cần áp dụng hình phạt phù hợp, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới có đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người tốt cho xã hội và để bảo đảm đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Tuy nhiên cần xem xét tính chất và mức độ nguy hiểm trong hành vi và nhân thân của bị cáo để có mức hình phạt tương xứng.

[4] Tình tiết tăng nặng: Không có tình tiết tăng nặng.

[5] Tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự, xét thấy bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, công việc không ổn định, đang nuôi con nhỏ sinh năm 2015 nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

+ Đối với 01 thân dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, khối lượng 1,222 chỉ, hàm lượng vàng 62,90% và 01 mặt dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, khối lượng 0,465 chỉ, hàm lượng vàng 58,55% là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà N; Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Củ Chi đã trả lại cho bà N là phù hợp.

+ Đối với 01 xe máy hiệu Wave RXS biển số 71C2-044.46, số máy: 150FMG-1020646, số khung: KCG1VHA-102646; là công cụ phương tiện bị cáo T dùng để thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Đối với 01 tờ tiền Việt Nam đồng mệnh giá 20.000đ; là tiền bà N bán chai nước ngọt cho bị cáo có được; bà N có đơn yêu cầu không nhận lại và đề nghị Tòa án tịch thu nộp ngân sách nhà nước; Hội đồng xét xử xét thấy tịch thu nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà N đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu khác; Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp.

[9] Đối với nguồn tin về hành vi “Cướp giật tài sản” mà bà Nguyễn Thị Kim V trình báo do bị cáo T thực hiện trên quốc lộ 22, thuộc khu Chế Xuất Linh Trung III, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Củ Chi đã có Công văn chuyển hồ sơ tài liệu liên quan đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Trảng Bàng tiếp nhận giải quyết theo thẩm quyền; Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp.

[10] Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Kim T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171 và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/12/2018.

- Áp dụng điểm điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 xe máy hiệu Wave RXS biển số 71C2-044.46, chủ xe Trần Thị Kim T, số máy: 150FMG-1020646, số khung: KCG1VHA-102646 và 01 tờ tiền Việt Nam đồng mệnh giá 20.000đ (Theo phiếu nhập kho vật chứng số 78/PNK ngày 23/02/2018 của Công an huyện Củ Chi).

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Trần Thị Kim T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Thị Kim T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Người bị hại bà N vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Công an huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bị cáo;
- Lưu: Vp, hồ sơ. (20b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Thị Xuân Lan

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Công an huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Phòng PC 27;
- Bị cáo;
- Lưu: Vp, hồ sơ. (20b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Xuân Lan